

NHÂN VẬT LỊCH SỬ TỈNH BÌNH DƯƠNG TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954-1975)

Nguyễn Văn Thủy(*)

Tóm tắt

Trong suốt hơn 20 năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ cứu nước (1954-1975), Đảng bộ, quân và dân Thủ Dầu Một - Bình Dương đã phát huy sức mạnh tổng hợp của cuộc chiến tranh nhân dân, giành được những thắng lợi to lớn, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Đó là sự phản ánh những đóng góp lớn lao về của cải vật chất, công sức, trí tuệ và cả máu xương của các tầng lớp nhân dân Thủ Dầu Một - Bình Dương và biết bao cán bộ, chiến sĩ từ mọi miền đất nước đã từng công tác, chiến đấu trong cuộc kháng chiến đầy gian lao mà anh dũng trên vùng đất Bình Dương. Trong hai cuộc kháng chiến Bình Dương có 42 cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;¹ 60.000 người có công, 2.083 Mẹ Việt Nam anh hùng, 16.309 liệt sĩ, 5.847 thương binh và 833 cán bộ kháng chiến bị địch bắt tù đầy.

1. Thời kỳ giữ gìn lực lượng chuyển sang khởi nghĩa từng phần - phong trào Đồng Khởi (7.1954-12.1960):

Ngày 7-5-1954, sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Geneve được ký kết. Quân Pháp rút về nước, miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng. Theo Hiệp định Geneve, sau 2 năm sẽ tổ chức tổng tuyển cử thống nhất nước Việt Nam. Nhưng đế quốc Mỹ với ý đồ xâm lược Việt Nam từ lâu, đã lợi dụng cơ hội, gạt Pháp ra, nhảy vào tổ chức, xây dựng quyền tay sai, viện trợ kinh tế quân sự, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, chia cắt lâu dài nước ta. Cả dân tộc ta lại bước vào chiến đấu chống xâm lược mới. Tháng 7/1954 Mỹ đưa Ngô Đình Diệm vào cương vị thủ tướng chính quyền Sài Gòn và bắt đầu thực hiện ý đồ chiến lược; biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ và chuẩn bị thôn tính Việt Nam. Để chuẩn bị cho nhiệm vụ cách mạng mới, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một triển khai tổ chức học tập các điều khoản của Hiệp định, các Nghị quyết chỉ thị của Đảng đến từng đảng viên cơ sở. Đồng thời kiện toàn tổ chức, lãnh đạo tư tưởng tạo sự thống nhất về tư tưởng và hành động khi cách mạng chuyển từ hình thức đấu tranh chính trị, đòi địch thi hành Hiệp định Giơnevơ.

Hội nghị đầu tiên của Tỉnh ủy Thủ Dầu Một đã triển khai quán triệt Nghị quyết (10-1954) của Xứ ủy và đề ra một số chủ trương và nhiệm vụ quan trọng trước mắt. Hội nghị nhấn mạnh những vấn đề về quan điểm, đường lối, sách lược đấu tranh của cách mạng miền Nam lúc này là giữ gìn và củng cố hòa bình, tranh thủ thực hiện quyền tự do dân chủ, cải thiện dân sinh, đấu tranh chính trị đòi thi hành Hiệp Định Giơnevơ. Về phương châm hoạt động, Hội nghị nhấn mạnh phải nắm vững nguyên tắc bí mật, công khai và bán công khai; tổ

¹ (*) Hội KHLS Bình Dương. Email: thvn.ngn@gmail.com.

Tỉnh ủy Bình Dương-Ban Tuyên giáo (2016), *Hỏi-Đáp Lịch sử tỉnh Bình Dương 1930-2010*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, tr.251.

chức lực lượng công khai và lực lượng bí mật; kết hợp công tác bí mật với công tác công khai. Ở những nơi địch tiếp quản lập bộ máy tề xã, ta đã kịp thời chỉ đạo đưa người vào tham gia. Những vùng giải phóng, căn cứ của ta địch chưa lập được ban tề, cơ sở Đảng vận động nhân dân đòi lập ban đại diện.

Từ ngày 20-7 đến ngày 15-8-1954, tại cơ quan Thường trực Tỉnh ủy ở căn cứ Bàu Xuân (chiến khu Đ), Tỉnh ủy Thủ Biên tổ chức hai cuộc hội nghị bất thường, do đồng chí Nguyễn Quang Việt, trên cương vị Bí thư Tỉnh ủy chủ trì. Hội nghị tập trung bàn biện pháp thực hiện Hiệp định Geneve và đề ra chủ trương công tác trong tình hình mới. Hội nghị đã nghe đồng chí Bí thư Tỉnh ủy quán triệt chủ trương của trên về việc ký kết, về thắng lợi và nội dung cơ bản của Hiệp định trên địa bàn Tỉnh, cũng như việc chuyển quân tập kết, và tổ chức cán bộ ở lại chuẩn bị cho thời kì đấu tranh Cách mạng mới, đến cuối năm 1954 thì ông chuyển ra Bắc công tác. Sau khi ra Bắc, từ năm 1960 đến 1980, ông là Thiếu tướng Thứ trưởng Bộ Công an. Dù trên cương vị công tác nào, ông cũng hết lòng phục vụ cho đất nước và quê hương Bình Dương.

Ngày 02-8-1954, Tỉnh ủy Thủ Biên ra chỉ thị số 003/CT-T với tinh thần: “ Dù trong hoàn cảnh nào cũng nhất định không được thủ tiêu tổ chức và thủ tiêu phong trào”. Những đồng chí cán bộ quân sự xã, du kích đảng viên ở cơ sở được qui định ở lại toàn bộ. Một số cán bộ đảng, cán bộ quân sự, công an, quân báo, cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương được Tỉnh ủy phân công ở lại. Tỉnh ủy chỉ đạo bí mật chôn giấu vũ khí, đạn dược, điện đài; với tinh thần: “ đi thắng lợi, ở lại vinh quang”. Những nhân vật ở lại tiếp tục hoạt động cách mạng như: có đồng chí Nguyễn Văn Luông (Sáu Phát)- Bí thư Tỉnh ủy các thời kỳ và đồng chí Nguyễn Văn Hữu (Một Hữu) từng là Tỉnh đội Trưởng của tỉnh Thủ Dầu Một- Bình Dương.

Giữa năm 1956, Mỹ-Diệm công khai tuyên bố không hiệp thương Tổng tuyển cử, đẩy mạnh thực hiện chính sách “Tố Cộng, diệt Cộng” trên toàn miền Nam. Ngày 10/7 chúng mở chiến dịch “Trương Tấn Bửu”, đánh phá phong trào cách mạng ở các tỉnh miền Đông Nam bộ. Tỉnh Thủ Dầu Một là một trong những trọng điểm đánh phá của địch. Chỉ trong vài tháng đầu chiến dịch “Trương Tấn Bửu”, lực lượng cách mạng của tỉnh bị tổn thất lớn.

Cuộc đấu tranh chính trị đơn thuần của nhân dân ta đòi địch thi hành Hiệp định Giơnevơ vô cùng khó khăn do địch khủng bố. Ngày càng nhiều cán bộ, đảng viên, đồng bào yêu nước bị địch truy bắt, giết hại. Trong tình hình này nếu ta tiếp tục duy trì hình thức đấu tranh chính trị đơn thuần thì lực lượng cách mạng càng thêm tổn thất, hy sinh. Ngày 2-9-1956 một số đồng chí trong Tỉnh ủy bị bắt như Lê Đình Nhơn, Bí thư Tỉnh ủy bị bắt tại Lái Thiêu. Cuối năm 1956, đồng chí Võ Duy Hanh, Phó Bí thư Tỉnh ủy và đồng chí Lưu Hồng Thoại cũng bị địch bắt...

Sau hơn hai năm quán triệt thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, mặc dù địch ngày càng trắng trợn không thi hành Hiệp định Giơnevơ, thắng tay đàn áp phong trào cách mạng. Tổ chức đảng và lực lượng cách mạng có tổn thất, nhưng không vì thế mà kẻ thù khuất phục tinh thần yêu nước của nhân dân, lòng tin tưởng vào cách mạng. Nhìn chung, trong hai năm 1956-1957, phong trào đấu tranh cách mạng vẫn được duy trì liên tục. Tuy nhiên tình hình cách mạng trong tỉnh cũng rất khó khăn, lực lượng cách mạng ngày càng tổn thất. Cả

tính đến đầu năm 1957 chỉ còn 28 chi bộ mật với 200 đảng viên.² Như chị Huỳnh Thị Hiếu, ngày 28/6/1956, trên đường đi công tác Chị bị bắt, bị tra tấn nhưng nhất định không khai lời nào. Sau đó chúng cho lính bắt bỏ chị vào bao rồi đem thả xuống sông Sài Gòn. Tấm gương hy sinh của chị Huỳnh Thị Hiếu (nữ Liệt sĩ công đoàn Thủ Dầu Một) được người dân thương nhớ mãi.

Từ năm 1957, hoạt động vũ trang đã tăng lên phối hợp cùng đấu tranh chính trị. Một số đơn vị vũ trang cách mạng đã tập kích, phục kích địch, bảo vệ căn cứ. Sang năm 1958, phong trào phát triển hơn, có trận tiến công quận lỵ Dầu Tiếng cách Sài Gòn 70km, đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn địch, diệt 200 tên, làm chủ quận lỵ.

Đầu tháng 6- 1959, Ngô Đình Diệm ban bố luật 10/59, lê máy chém khắp nơi, lập tòa án quân sự xử tử hình không cần chứng cứ. Dựa vào chủ trương “thà giết lầm hơn bỏ sót”, chúng ra sức bắt bớ, gây ra hàng trăm gia đình tan cửa nát nhà, gây xáo trộn lớn trong thôn xóm. Trước những thủ đoạn mới của Mỹ-Diệm, lực lượng cách mạng bị tổn thất nặng. Chỉ trong mấy tháng đầu năm 1959 lại có thêm hàng trăm cán bộ, đảng viên, quần chúng yêu nước của tỉnh bị địch bắt cầm tù, tra tấn, nhiều người bị giết hại. Ở huyện Lái Thiêu khi có Hiệp định Giơnevơ xã nào cũng có chi bộ từ 4 đến 5 đảng viên trở lên, toàn huyện có khoảng 200 đảng viên, đến cuối năm 1959 chỉ còn lại 2 chi bộ mật của xã An Sơn, An Thạnh với 9 đảng viên.³

“Đảng Bộ Thủ Dầu Một chỉ còn 20 chi bộ trong 48 xã. Tổng số đảng viên ở cả 3 cấp là 220 đồng chí. Hơn Quận còn 2 chi bộ xã Lai Uyên và An Long; Lái Thiêu còn 2 cho bộ là An Thạnh và An Sơn. Số lượng đảng viên toàn huyện Lái Thiêu chỉ còn 12 người, kể cả Huyện ủy 2 người. Còn được 26 chi đoàn thanh niên lao động với khoảng 200 đoàn viên. Số Tỉnh ủy viên bị địch bắt là 7 người, trong số đó có 3 người hy sinh trong tù hoặc bị thủ tiêu (có 2 người là Phó Bí thư Tỉnh ủy); có 4 đồng chí (có 1 là Bí thư Tỉnh ủy) được trả tự do đều hãn hái hoạt động trở lại. Ở các huyện, số lượng Huyện ủy viên bị bắt chiếm đến khoảng 80%. Các Chi ủy viên bị bắt (và một số ít bỏ việc) chiếm gần 100%. Nhiều xã thay thế đến 4,5 lớp Chi ủy. Trong vòng 5 năm đấu tranh chính trị từ năm 1955-1959, số Đảng bộ cơ sở đã giảm hơn phân nửa, số đảng viên chỉ còn non một phần sáu”.⁴

Giữa lúc cách mạng miền Nam đang đứng trước bước ngoặt lịch sử, trải qua thời kỳ đen tối (1955-1959). Tháng 1-1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II tiến hành Hội

² Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Dương(2003), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Dương (1930-1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, tr.319.

³ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Dương(2003), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Dương (1930-1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, tr.332.

⁴ Ban Chấp hành Đảng Bộ Bình Dương (2002), *Lược sử ngành tổ chức Đảng Bộ Bình Dương trong hai cuộc kháng chiến*, in tại Cty XSKT-Dịch vụ Bình Dương, tr.105.

ng nghị lần thứ 15 đã đề ra Nghị quyết quan trọng về đường lối cách mạng miền Nam: “ Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.” Nghị quyết 15 đã mở đường cho cách mạng miền Nam chuyển sang thế tiến công, bước sang giai đoạn mới: đấu tranh chính trị, vũ trang kết hợp, xây dựng lực lượng vũ trang, chuẩn bị cho một cuộc cách mạng mới. Tháng 1/1959, **Hội nghị lần thứ XV Ban chấp hành Trung ương Đảng** đã xác định: *con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng nhân dân, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ chính quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân.* **Nghị quyết 15** của Đảng đã đáp ứng yêu cầu bức thiết của cách mạng miền Nam, mở đường cho cách mạng tiến lên. Dưới ánh sáng nghị quyết Hội nghị Trung ương XV (1.1959), năm 1959-60 các cuộc khởi nghĩa từng phần liên tiếp nổ ra .

Cuối năm 1959-đầu năm 1960, một **phong trào “Đồng Khởi”** nổi dậy khởi nghĩa diệt bọn tề điệp ác ôn, giải tán chính quyền cơ sở, diệt đồn, phá ách kìm kẹp của địch nổ ra rộng khắp các tỉnh Nam Bộ và vùng rừng núi Trung Trung Bộ, nhân dân giành được quyền làm chủ. Phong trào “Đồng Khởi” đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam, từ thế giữ gìn lực lượng chuyển sang thế tiến công, từ hình thức đấu tranh chính trị là chính có lực lượng vũ trang hỗ trợ, chuyển sang kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự. Từ cao trào đồng khởi của nhân dân, LLVT cách mạng miền Nam phát triển nhanh chóng; Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam (MTDTGPMN) ra đời (20.11.1960). Từ miền Bắc, tuyến vận tải chiến lược vào miền Nam bằng đường bộ, đường biển hình thành và phát triển. Cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng chuyển sang thế tiến công.

Thực hiện chủ trương của Xứ ủy Nam Bộ, tháng 9-1960, hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa sáp nhập thành tỉnh Thủ Biên lần thứ 2 (lần thứ 1 tháng 5-1951). **Đồng chí Lê Quang Chũ, được chỉ định làm Bí thư**, đồng chí Võ Minh Đức (nguyên Bí thư Tỉnh ủy Thủ Dầu Một) giữ chức vụ Phó Bí thư. Chỉ trong 9 tháng tồn tại của tỉnh Thủ Biên (9-1960 đến 6-1961), đã đào tạo trên 150 học viên là đảng viên, đoàn viên.⁵ Tỉnh ủy và cấp ủy các chi bộ cơ sở đã dựa vào quần chúng nhân dân để giữ gìn lực lượng, từng bước khôi phục và lớn lên, duy trì được hệ thống lãnh đạo, chỉ đạo từ tỉnh xuống cơ sở, củng cố xây dựng lực lượng chính trị, từng bước xây dựng lực lượng vũ trang và căn cứ cách mạng, tạo thế, tạo lực thực hiện đồng khởi giành lại chính quyền, làm chủ ở cơ sở hầu khắp các vùng nông thôn rộng lớn, mở ra một thời kỳ phát triển mới của phong trào cách mạng.

2.Cách mạng miền Nam từ khởi nghĩa từng phần phát triển thành chiến tranh cách mạng, đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ (1.1961-6.1965):

⁵ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Dương(2003), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Dương (1930-1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, tr.351.

Thắng lợi của phong trào “Đông Khởi” đã làm thất bại cuộc chiến “chiến tranh một phía” của Eisenhower, đẩy chính quyền Ngô Đình Diệm vào thời kỳ khủng hoảng triền miên. Chính quyền Kennedy công bố học thuyết chiến tranh mới: **Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”** và chọn miền Nam Việt Nam làm nơi thí điểm. Nội dung chủ yếu của “Chiến tranh đặc biệt” là: *củng cố nguy quyền, tăng cường khả năng chiến đấu của nguy quân bằng chỉ huy, trang bị vũ khí, yểm trợ kỹ thuật Mỹ, tăng cường phá hoại miền Bắc, chống miền Nam thâm nhập, bình định dòn dân vào “áp chiến lược” để thực hiện “tát nước bắt cá”, cô lập, đi đến tiêu diệt cách mạng miền Nam.* Chính quyền, quân đội Sài Gòn và “áp chiến lược” được coi là xương sống của “Chiến tranh đặc biệt”.

Để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo phù hợp với sự phát triển của phong trào cách mạng ở miền Đông Nam Bộ, tháng 6-1961, Trung ương Cục quyết định tách tỉnh Thủ Biên, tái lập hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa, thành lập tỉnh Phước Thành. Giai đoạn 1961- 1966, trên địa bàn tỉnh có hai tỉnh song song hoạt động là tỉnh Thủ Dầu Một và tỉnh Phước Thành.

Năm 1961 cách mạng miền Nam bước vào thời kỳ chiến tranh cách mạng, tiến công địch bằng cả hai mặt chính trị và quân sự, đấu tranh trên cả ba vùng chiến lược. Ta tổ chức những đợt học tập chính trị cho các đồng chí bị bắt ở tù được địch trả tự do hoặc các đảng viên bị đứt liên lạc từ khi đi hợp pháp. Học tập các tài liệu về “Sống vĩ đại, chết vinh quang”, điều lệ Đảng (4 nhiệm vụ đảng viên). Năm 1961-1962, hơn 200 đảng viên được phục hồi sinh hoạt, hoạt động trở lại rất hăng hái, phấn khởi;⁶ đây là nguồn các bộ được bổ sung cho cơ sở. Trong giai đoạn này, tình hình cách mạng của hai tỉnh Thủ Dầu Một và Phước Thành có những chuyển biến lớn. Ngày 17-9-1961, ta đánh chiếm tỉnh Phước Thành, tiêu diệt và bắt sống 300 tên, thu 400 súng.

Từ đầu năm 1962, các huyện đã triển khai chủ trương của Tỉnh ủy về xây dựng làng xã chiến đấu, căn cứ chiến đấu, tổ chức đào địa đạo, xây dựng ô ụ chiến đấu trong các căn cứ. Huyện ủy Bến Cát do đồng chí Ba Tiến, Bí thư đã tổ chức cho cán bộ các xã đào địa đạo, hệ thống địa đạo 3 xã An Tây, An Điền và Phú An; đào địa đạo với chiều dài 60km nối liền 3 xã.⁷ “Địch kìm kẹp đồng bào sống trong áp chiến lược bằng các thủ đoạn phát xít: những gia đình cách mạng, chúng bố trí tập trung vào khu riêng biệt gần sân bay, trận địa pháp binh...Chúng kết hợp mua chuộc lừa mị...nhằm cô lập, phát hiện cán bộ, đảng viên, du kích mật nằm trong dân để tiêu diệt. Địch tung thám báo giả dạng dân ra đồng đi làm để rình rập theo dõi quân chúng, phát hiện dấu vết đi lại hoạt động của ta.”⁸

Cuối năm 1963, Khu ủy tăng cường cho Tỉnh ủy Thủ Dầu Một một số cán bộ quân sự, chính trị như đồng chí Bùi Khánh Ngươn (Hai Ngươn), đồng chí Nguyễn Chí Thành (Ba

⁶ Ban Chấp hành Đảng Bộ Bình Dương (2002), *Lược sử ngành tổ chức Đảng Bộ Bình Dương trong hai cuộc kháng chiến*, in tại Cty XSKT-Dịch vụ Bình Dương, tr.116.

⁷ Ban Tuyên giáo Huyện ủy Bến Cát (1991), *Truyền thống cách mạng của quân và dân Bến Cát*, tập II (1954-1975).

⁸ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bình Dương, Ban Chỉ huy quân sự thị xã Bến Cát (2014), *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Bến Cát (2045-2010)*, Nxb Quân đội nhân dân.

Dè)...là những cán bộ cách mạng đi tập kết mới từ miền Bắc vào; đồng chí Lê Đức Sanh (Năm Sanh), văn phòng Khu ủy được điều về làm Bí thư Huyện ủy Châu Thành; đồng chí Nguyễn Trọng Tâm (Bây Tâm), Phó ban Binh vận Khu về làm Trưởng ban Binh vận tỉnh.

Ngày 18 tháng 10 năm 1963, trong một trận đánh bắt Cây Trường ở huyện Bến Cát (nay thuộc xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng), tỉnh Bình Dương, liệt sĩ anh hùng Trừ Văn Thố đã dũng cảm áp sát lô cốt địch nổ bộc phá, sau đó ném tiếp thủ pháo vào lỗ châu mai địch. Mặc dù đã trúng đạn, thương nặng ở đùi, ông nén đau bò dần lên, rồi bất ngờ bật dậy lao người vào lỗ châu mai, dùng thân mình bịt kín họng súng liên thanh, tạo thời cơ cho đồng đội ào ạt xung phong tiêu diệt địch. Năm 1963, cách mạng miền Nam có bước phát triển mới, quân ta thắng lớn trong trận Ấp Bắc, mở ra khả năng đánh bại chiến thuật “trục thẳng vận”, hạn chế” thiết xa vận”. Trung ương phát động phong trào “thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công” trên toàn miền Nam. Ngày 01-11-1963 Ngô Đình Diệm bị lật đổ.

Mùa khô 1964-1965, sau những thất bại Bình Giả, Phước Long, Đồng Xoài... Chế độ tay sai nguy quyền Sài Gòn có nguy cơ sụp đổ. Một lần nữa, đế quốc Mỹ buộc phải thay đổi chiến lược, từ chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” sang chiến lược “chiến tranh cục bộ” đưa quân chiến đấu Mỹ vào miền Nam Việt Nam. Giữa lúc quân và dân trong tỉnh cũng như trên toàn miền Nam đang liên tiếp tiến công địch, giành nhiều thắng lợi to lớn, ngày 9-1-1965, tại vùng giải phóng Kiến An, huyện Bến Cát đã diễn ra Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh Thủ Dầu Một. Tham dự Hội nghị có 117 đại biểu đại diện cho trên 1000 đảng viên của toàn Đảng bộ. Hội nghị đã đánh giá quá trình lãnh đạo của Đảng bộ trong thời gian qua, đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới và bầu Ban Chấp hành Tỉnh ủy mới. Ban Chấp hành Đảng bộ mới gồm 17 đồng chí: Đồng chí Nguyễn Văn Trung (Sáu Trung) được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy. Khoảng giữa tháng 5-1965, Trung ương Cục điều động đồng chí Nguyễn Chí Thành (Ba Dè), về tỉnh làm Trưởng ban An ninh. Đồng thời Khu ủy điều động đồng chí Sáu Trung, Hai Kiên, Năm Sanh về Khu ủy miền Đông Nam Bộ. Đồng chí Trần Quốc Ân, Phó Bí thư được chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy, đến cuối năm 1965, Khu ủy điều đồng chí Nguyễn Văn Trung (Sáu Trung) trở lại làm Bí thư Tỉnh ủy Thủ Dầu Một. Những thắng lợi quân sự lớn chứng tỏ sự trưởng thành của lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam, đủ sức đánh bại hoàn toàn quân nguy dù có sự chỉ huy, hỗ trợ của quân Mỹ. Đến giữa năm 1965, chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ nguy sụp đổ.

3. Phát triển thế tiến công chiến lược, đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" (7.1965-12.1968):

Sau thất bại của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", Mỹ bị động chuyển sang tiến hành chiến lược "Chiến tranh cục bộ" hòng nhanh chóng kết thúc chiến tranh, trong đó quân Mỹ giữ vai trò tác chiến chủ yếu trên chiến trường. Mục tiêu “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam là nhanh chóng tạo ra ưu thế binh lực, hỏa lực “tìm diệt” chủ lực ta, giành lại thế chủ động trên chiến trường, mở rộng và củng cố vùng kiểm soát, giành lại dân; đồng thời gây chiến tranh phá hoại miền Bắc, ngăn chặn sự chi viện từ miền Bắc vào miền Nam, phá hoại sự nghiệp xây dựng miền Bắc, làm lung lay ý chí giải phóng miền Nam của Đảng ta và nhân dân ta.

Từ giữa năm 1965, Mỹ ồ ạt đưa quân chiến đấu vào miền Nam (từ 184.300 lên 536.000 quân (cuối năm 1968), lúc cao nhất tới 542.000), cùng với quân các nước phụ thuộc Mỹ (57.800 quân, lúc cao nhất tới 70.300) và QĐ Sài Gòn (650.000 quân, lúc cao nhất gần 1 triệu)⁹ hợp thành 2 lực lượng chiến lược với những phương tiện chiến tranh hiện đại nhất (trừ vũ khí nguyên tử); liên tục mở 2 cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965-1966 và 1966-1967 với ý đồ tìm diệt cơ quan đầu não kháng chiến và một bộ phận chủ lực QGPMN VN. Sau đó, một **phong trào “Tìm Mỹ mà đánh, tìm Ngụy mà diệt”** dâng cao khắp miền Nam. Năm 1966, quân Mỹ dốc sức cả bộ binh, pháo binh, xe tăng, máy bay, kể cả máy bay ném bom chiến lược B52 thực hiện cuộc phản công mùa khô với hướng chủ yếu là ở miền Đông Nam bộ đánh thẳng vào Chiến khu Đ với ý định tìm diệt cơ quan đầu não kháng chiến, lực lượng chủ lực của ta, phá kho tàng, đường vận chuyển... . Nổi lên tấm gương điển hình của đồng chí Đoàn Thị Liên đã anh dũng hi sinh trong trận đánh tại Phú Bình (Bến Cát), do máy bay B52 Mỹ thả hàng loạt bom trúng đội hình thanh niên xung phong “Phú Lợi” đang chuyển đạn ra chiến trường cho trận đánh Bàu Bàng (1965).

Ngày 14-02-1966, hai trung đoàn chủ lực của sư 9 chia làm hai hướng tấn công địch ở Bông Trang- Nhà Đỏ. Sau 4 giờ chiến đấu, Ta tiêu diệt 2 tiểu đoàn quân Mỹ, đánh tiêu hao tiểu đoàn Úc làm hơn 1.000 tên chết và bị thương, bắn cháy 48 xe 113 và 24 xe tăng M41, phá 2 khẩu pháo¹⁰... Chiến thắng Nhà Đỏ, Bông Trang phá tan kế hoạch bình định gom dân ở vùng chiến khu Vĩnh Lợi. Trong giai đoạn này nổi lên nhiều tấm gương chiến đấu anh dũng của các chiến sĩ như: Như tấm gương của đồng chí Từ Văn Phước (Từ Văn Phao), sinh năm 1936, quê quán xã Tân Phước Khánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Sông Bé, trung đội trưởng trinh sát đặc công huyện Tân Uyên, được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân tháng 9 năm 1967¹¹. Thời kỳ còn ở địa phương, đồng chí hoạt động trong tổ chức tự vệ bí mật, làm các công tác: thông tin, dẫn đường đưa đón cán bộ, tham gia phá ấp chiến lược. Từ năm 1963 đến đầu năm 1967, đã chiến đấu 37 trận, diệt 266 tên địch (có 105 tên Mỹ), bắt sống 6 tên, diệt 14 xe cơ giới, đánh sập 2 cầu, 4 công sở ngụy quyền. Những trận đánh lớn ở Đất Cuốc, 8.11.1965, cuộc tiến công và phản công chiến đấu chiến dịch Bàu Bàng-Dầu Tiếng, 12-27.11.1965; chiến dịch đánh bại cuộc hành quân Junction City (Gianxon Xiti), 22.2-15.4.1967; làm thất bại một bước quan trọng chiến lược chiến tranh cục bộ của Mỹ. *Hai cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965-1966 và 1966-1967* của Mỹ với cuộc hành quân lớn nhỏ đánh vào các vùng giải phóng của ta, lớn nhất là *cuộc hành quân Junction City bị thất bại*. Phong trào đấu tranh chính trị vùng địch chiếm, nhất là các thành phố lớn dâng lên mạnh mẽ làm mất ổn định chế độ Mỹ-Ngụy. **Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” bị thất bại một bước quan trọng.**

Từ ngày 16 đến ngày 29-11-1967, Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền họp bàn kế hoạch Tổng công kích- Tổng khởi nghĩa ở trọng điểm Sài Gòn- Gia Định. Tháng 1-1968, Hội nghị lần thứ

⁹ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Dương(2003), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Dương (1930-1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, tr.421.

¹⁰ Hội KHLS Bình Dương (Số 43. 7/2016), Hội thảo 50 năm Chiến thắng Bông Trang-Nhà Đỏ, tr. 4.

¹¹ Dẫn nguồn tư liệu: Sông Bé lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm (1945 – 1975), NXB Tổng hợp Sông Bé, 1990, trang 506.

14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thông qua Nghị quyết của Bộ Chính trị về “Chuyên cuộc chiến tranh cách mạng sang thời kỳ mới, thời kỳ giành thắng lợi quyết định” bằng Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt ở miền Nam. Nhận được chủ trương, Thường vụ Phân khu 5 khẩn trương xúc tiến mọi công việc phục vụ Tổng công kích - Tổng khởi nghĩa. Đúng 0 giờ đêm 31/01/1968 (tức đêm giao thừa Tết Mậu Thân), quân dân toàn Miền Nam đồng loạt tiến công và nổi dậy đánh đòn quyết liệt vào ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ. Hòa cùng tiếng súng tấn công của quân và dân toàn miền, quân và dân trong Tỉnh đã đồng loạt tiến công và nổi dậy khắp các nơi. Trên địa bàn các căn cứ của ta, bộ đội Tiểu đoàn Phú Lợi, Trung đoàn Đồng Nai xuất kích tấn công các mục tiêu quân sự, chính trị của địch ở Tỉnh lỵ Thủ Dầu Một, tòa hành chính Tỉnh, Ty cảnh sát cùng hàng loạt đồn bót. Trực tiếp hỗ trợ cho bộ đội đánh địch ở phía trước đội dân công hoạt động cả ngày lẫn đêm, chiến khu Vĩnh Lợi trở thành trạm trung chuyển thương binh, tải đạn, đưa vũ khí ra tuyến trước, thành lập trạm, sơ cứu thương. Thương binh ở mặt trận được đưa về trạm chăm sóc để chuyển về tuyến sau an toàn.

Tuy vậy, qua đợt tấn công và nổi dậy, do dốc sức” dứt điểm”, lực lượng vũ trang Bình Dương nổi lên nhiều gương hy sinh như anh hùng liệt sĩ như Liệt sĩ Nguyễn Văn Cát, lúc đó là tiểu đội phó, Tiểu đoàn 1 cũng đã anh dũng ngã xuống khi vừa bước sang tuổi 17; liệt sĩ Trương Văn Rài (Ba Quăn) hy sinh mới 27 tuổi. Liệt sĩ Nguyễn Thị Tươi (Năm Lan) đã anh dũng hy sinh trong trận đánh xuân Mậu Thân 1968... Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân dân ta đã giáng một đòn chí mạng vào hệ thống nguy quân, nguy quyền, vào lực lượng quân sự và ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, làm đảo lộn thể chiến lược của địch làm phá sản chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của chính quyền Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh, ngừng ném bom miền Bắc và ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Hội nghị Pari.

4.Đánh bại chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh, buộc Mỹ phải ký hiệp định Paris 1973 về Việt Nam, rút hết quân Mỹ về nước (1.1969-1.1973):

Sau năm 1968, địch dùng lực lượng lớn đánh phá chiến khu, phối hợp với quả lực xe tăng, máy bay và pháo binh, càn quét, phá hủy kho tàng dự trữ và ngăn chặn tiếp tế của ta. Lợi dụng tình thế khó khăn, địch đẩy mạnh chiến tranh tâm lý,kêu gọi chiến sĩ ta ra hàng. Chúng dùng máy bay phát loa kêu gọi, hứa hẹn, dụ dỗ và sử dụng bọn chiêu hồi để nhận mặt chỉ điểm, phá vỡ nhiều cơ sở cách mạng. Tình hình chung, cán bộ, đảng viên, chiến sĩ các đơn vị, cơ quan đều thiếu đói nghiêm trọng; nhiều người bị bắt, hy sinh, và ra hàng trong thời điểm này. Tổ chức Đảng ở các cấp phải chịu đựng những thử thách nghiêm trọng.

Từ năm 1969 đến cuối năm 1971, lực lượng cách mạng Phân khu bị tổn thất lớn; hàng ngàn cán bộ, đảng viên hy sinh; đảng viên của ba xã Tân Khánh, Vĩnh Tường, Tân Hóa hy sinh gần hết¹² ; một số đồng chí lãnh đạo như: đồng chí Hai Thắng (Lương Văn Thêm)-Phân Khu ủy viên, Bí thư Huyện ủy Châu Thành; đồng chí Hồ Văn Cảnh (Hồ Văn Bè) ủy viên Thường vụ Phân Khu ủy, Bí thư Thị ủy Thủ Dầu Một... Nhiều tấm gương hy sinh anh dũng, ngày 20-10-1969 chị Huỳnh Thị Châu lọt vào ổ phục kích giặc và chị đánh trả cho đến hơi thở cuối cùng. Trước lúc hy sinh chị còn kịp xé toàn bộ số tiền của dân gom nuôi quân, không để giặc có cơ hội sử dụng. Ngày 10/3/1969, trong khi đang chỉ huy chiến đấu, mặc dù bị thương nặng vào mắt và đầu, nhưng đồng chí Lê Văn Mâm (Bảy Mâm) quyết

¹² Lịch sử huyện Tân Uyên tập 1 (1930-1975), Nxb Tổng hợp Sông Bé-1992.

không rời trận địa, trực tiếp cầm súng chiến đấu và chỉ huy chiến đấu tiêu diệt địch cho đến khi bị máy bay địch bắn trúng và anh dũng hy sinh đến hơi thở cuối cùng.

Vào tháng 3-1970, Anh hùng liệt sĩ Phan Văn Tèo đưa đoàn cán bộ đi công tác, bị máy bay địch phát hiện, với nhiệm vụ kép vừa bảo vệ dân làng còn đang lao động trên đồng vừa tìm cách để đoàn chạy thoát, một mình ông bắn trả đánh lạc hướng địch, bảo vệ an toàn cho đoàn cán bộ và dân làng. Riêng ông đã trúng đạn và hy sinh để lại người vợ mang thai 3 tháng cũng bị địch bắt, tù đầy cùng ngày. Sinh ra trong gia đình truyền thống cách mạng, tham gia cách mạng tuổi 18, chỉ một năm chiến đấu, anh đã đánh 50 trận lớn nhỏ và hy sinh anh dũng. Liệt sĩ anh hùng Nguyễn Văn Khê hy sinh tháng 2 năm 1971 trong lúc mở phá đầu đạn lầy thuốc nổ để du kích xã có vũ khí đánh địch trước khi đi dự Đại hội thi đua ở Hà Nội, lúc này ông đang giữ chức Xã đội trưởng. Anh hùng Nguyễn Văn Thành, trong 11 năm chiến đấu và tiêu diệt và làm bị thương 460 tên (trong đó có 46 tên Mỹ), phá hủy 12 xe (trong đó có 5 xe tăng), gây ra nhiều khó khăn cho địch trong giao thông vận tải trên tuyến đường này. Trong một trận đánh vào tháng 3 – 1972, ông đã anh dũng hy sinh sau khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Năm 1969, tình hình ở thị xã, thị trấn vô cùng khó khăn, cơ bản địch đã gom được dân, đánh tiêu hao nặng lực lượng cách mạng; cán bộ, đảng viên, cơ sở quần chúng bị tổn thất nghiêm trọng; Nhưng công tác tuyên truyền vận động giáo dục quần chúng nhân dân tham gia xây dựng lực lượng, giáo dục quần chúng, rải truyền đơn vẫn hoạt động. Phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng ở thị xã được nhiều tầng lớp đồng bào các giới tham gia như công nhân các lò chén. Xưởng sơn mài Thành Lễ, tài xế xe lam, giáo dân, chủ tiệm, nữ sinh... Có những cuộc có 10-15 người, có cuộc hàng trăm người tham gia đấu tranh đòi quyền lợi bức thiết về đời sống. Hàng trăm gia đình từ các xóm lao động nghèo, chủ các lò chén người Hoa ở ấp Chánh Trong, Chánh Ngoài, Xóm Guốc, Phú Văn đến các gia đình tiêu thương trong chợ Thủ là cơ sở nòng cốt tích cực đóng góp, quyên góp ủng hộ cách mạng.

Đây là thời kỳ đầy khó khăn thử thách đối với lực lượng cách mạng, nhiều đơn vị qua nhiều lần chiến đấu chỉ còn lại có một người. Hầu hết các căn cứ, kho tàng đều bị bắn phá, mất mát hư hỏng, gạo, đạn không đủ cung cấp cho các đơn vị. Mỗi lần đi nhận gạo, cán bộ, chiến sĩ các đơn vị đều phải tổ chức như một trận chiến đấu thực sự, để chống bọn biệt kích thường xuyên chốt giữ trên các ngã đường. Nhiều cán bộ, chiến sĩ đã ngã xuống trên đường vận chuyển. Chủ yếu nhờ vào nguồn lương thực của nhân dân trong các ấp chiến lược. Mặc dù bị địch phong tỏa, ngăn chặn, nhưng đồng bào vẫn tìm mọi cách che mắt địch, để tiếp tế cho bộ đội, du kích. Mỗi lon gạo, lọ muối, viên thuốc được nhân dân mang cho bộ đội, du kích đều có thể là những năm tháng tù đầy nếu địch phát hiện được. Gạo, đạn về được đến căn cứ đã thấm máu đồng bào chiến sĩ.

Cuối tháng 5-1970, tại căn cứ suối Bà Hào, Phân khu 5 tổ chức Hội nghị Đảng bộ lần thứ nhất. Hội nghị đã đề ra cho công tác Tổ chức: Tăng cường hơn nữa công tác lãnh đạo tư tưởng, tổ chức học tập trong Đảng viên và phát động quần chúng, cải tiến lề lối làm việc, nhất là khâu tổ chức thực hiện, tác phong chỉ đạo sâu sát tận xã ấp. Hội nghị đã bầu lại Phân khu ủy gồm 7 đồng chí: Nguyễn Văn Trung, Bí thư, Nguyễn Văn Luông, Phó Bí thư. Hội nghị tổ chức trong điều kiện chiến trường đang rất khó khăn về lương thực, cán bộ dự hội nghị phải ăn lá bươm, củ chụp, củ nân thay gạo và thiếu cả muối ăn... nhưng Hội nghị đã đem đến

niềm tin mới cho Đảng bộ, cho quân dân trong những ngày sắp tới. Dù đứng trước muôn vàn khó khăn nhưng Đảng bộ, quân và dân Phân khu đã nêu tinh thần chủ động tiến công, kiên cường bám trụ, anh dũng chiến đấu vượt qua thời kỳ đầy khó khăn thử thách.

Đầu năm 1972, Trung ương Đảng chủ trương đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước phát triển lên một bước mới. Thực hiện chủ trương của Trung ương, tháng 3/1972, Quân Ủy và Bộ Chỉ huy Miền quyết định mở chiến dịch Nguyễn Huệ. Chiến dịch đã giành được thắng lợi to lớn trên khắp các chiến trường miền Đông Nam bộ, trong đó có việc giải phóng hoàn toàn huyện Lộc Ninh. Tháng 4-1972, hai xã Thanh An, Thanh Tuyền được giải phóng, Phân khu ủy Phân khu 1 chủ trương sáp nhập hai huyện Bến Cát, Dầu Tiếng thành một huyện. Phân khu ủy chỉ định đồng chí Nguyễn Hữu Ý, Bí thư Huyện ủy Bến Cát làm Bí thư; đồng chí Tư Cao, Phó Bí thư Huyện ủy Dầu Tiếng, làm Phó Bí thư.

Tháng 9-1972, Trung ương Cục quyết định tổ chức lại chiến trường miền Đông Nam bộ, giải thể Phân khu thành lập các tỉnh. Tỉnh Thủ Dầu Một được tái lập gồm các huyện : Châu Thành, Phú Giáo, Tân Uyên, Bến Cát, Dầu Tiếng, Lái Thiêu và thị xã Thủ Dầu Một. Đồng chí Nguyễn Văn Trung (Sáu Trung), được Trung ương Cục chỉ định làm Bí thư tỉnh ủy. Để bảo đảm lãnh đạo, Tỉnh ủy chủ trương tách huyện Bến Cát thành hai huyện: Bến Cát (đồng chí Nguyễn Hữu Ý, làm Bí thư) và huyện Dầu Tiếng, đồng chí Tư Cao, làm Bí thư. Đến cuối năm 1973, chia huyện Bến Cát làm hai huyện: Bắc Bến Cát, đồng chí Tám Vân Bí thư, sau đó đồng chí Hai Bình làm Bí thư; Nam Bến Cát, đồng chí Út Ý, Tỉnh ủy viên làm Bí thư.

Tỉnh ủy chuyển về Bắc Bến Cát xây dựng căn cứ, Ban Tổ chức tham mưu Tỉnh ủy chỉ đạo củng cố và xây dựng bộ máy các cơ quan, ban ngành, đoàn thể các cấp, đảm bảo cho sự chỉ đạo, lãnh đạo từ tỉnh đến cơ sở được thông suốt; từng cấp ủy, chi Đảng bộ, đã bám sát nhiệm vụ chính trị, xây dựng chi bộ thực hiện vai trò hạt nhân lãnh đạo, giáo dục rèn luyện nâng cao chất lượng đảng viên; cán bộ đảng viên bám sát quần chúng, bám sát phong trào cách mạng. Do đó, trong năm 1972, toàn tỉnh đã phát triển 168 đảng viên (có 62 mật), tập hợp tổ chức 33 chi bộ, kết nạp 111 đoàn viên, 1324 hội viên đoàn thể, 260 du kích (có 85 mật), 1411 cơ sở quần chúng (có 64 cơ sở trong lòng địch), vận động được 187 thanh niên tham gia lực lượng vũ trang huyện, 270 thanh niên tham gia du kích xã, ấp.¹³ Trong hai năm 1971-1972, Ban Tổ chức phân công cán bộ đi công tác cơ sở ở hai huyện Tân Uyên và Châu Thành vừa để nắm cụ thể tình hình chất lượng và hoạt động của Đảng bộ cơ sở. Cán bộ Ban tổ chức xuống tận các xã hướng dẫn từng công việc cụ thể như vận động quần chúng, phát triển cơ sở quần chúng, công tác xây dựng Đảng, phát triển đảng viên mới...

Mỹ phải ký hiệp định Paris về Việt Nam (27/1/1973), rút hết quân Mỹ và quân các nước phụ thuộc Mỹ ra khỏi miền Nam VN, cam kết tôn trọng độc lập chủ quyền thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của VN. **Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” thất bại.**

5. TẠO THỂ, TẠO LỰC VÀ THỰC HÀNH CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY XUÂN 1975, GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM KẾT THÚC THẮNG LỢI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (12.1973-30.4.1975):

¹³ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Dương(2003), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Dương (1930-1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, tr.566.

Ngày 27/01/1973, Hiệp định Pari được ký kết “Chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ đã bị phá sản, Mỹ chấp nhận thất bại và cuốn cờ rút quân về nước, nhưng Mỹ vẫn để lại 2 vạn cố vấn quân sự đội lột dân sự; vừa tăng cường viện trợ cho ngụy quyền Sài Gòn để duy trì chiến tranh và phá hoại Hiệp định Pari có hệ thống. Trên chiến trường, chính quyền Sài Gòn hò hét xua quân đi càn quét, lấn chiếm vùng do ta kiểm soát, thực hiện giành dân, lấn đất với ý định xóa thế “Da beo” bằng kế hoạch “Tràn ngập lãnh thổ”. Địch tiếp tục củng cố bộ máy kim kẹp, hệ thống chính quyền từ huyện xuống xã được quân sự hóa. Đồng thời địch liên tục mở nhiều cuộc hành quân lấn chiếm, tung bọn gián điệp, “Thiên nga, Phượng hoàng” trà trộn vào dân, thâm nhập vùng chiến khu để nắm tin tức và cơ sở của ta.

Sau khi Hiệp định Paris được ký kết (27-1-1973), tại Lộc Ninh nhiều cán bộ, chiến sĩ bị địch bắt giam giữ ở nhà tù được lần lượt trao trả về cho cách mạng. Những người trước kia hoạt động ở địa bàn tỉnh Thủ Dầu Một, được tiếp nhận và đưa về tỉnh. Thành lập một bộ phận tiếp đón chu đáo những người chiến thắng trở về, được bồi dưỡng về vật chất, tổ chức học tập về chính trị, về phẩm chất đạo đức của người cách mạng và bố trí làm việc, bổ sung kịp thời cho lực lượng cách mạng. Sau 3 tháng ký hiệp định, ta xây dựng phát triển được 2 chi bộ mật, phát triển 19 đảng viên (có 11 đảng viên mật), 2 chi đoàn, 14 đoàn viên, 6 du kích xã, 11 du kích ấp, 106 thanh niên thoát ly tham gia cách mạng; phong trào binh vận làm rã ngũ 521 tên...¹⁴

Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng lực lượng vũ trang, các đoàn thể, các ngành, cơ quan tham gia vận động thanh niên tòng quân xây dựng lực lượng vũ trang xã, huyện, tỉnh. Chỉ trong 6 tháng cuối năm 1973, các huyện đã vận động thanh niên bổ sung cho lực lượng tỉnh 166 tân binh, hầu hết các xã trong huyện đã xây dựng phát triển du kích lộ được từ một bán đội (6 đồng chí) đến 1 tiểu đội, huyện hình thành 1 đại đội hoàn chỉnh. Toàn tỉnh có 21 chi bộ lộ, mật với 119 đảng viên lộ và 266 đảng viên mật. Các đoàn thể quần chúng như Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội nông dân...kết nạp thêm nhiều hội viên mới, nhất là ở vùng giải phóng, vùng tranh chấp. Phong trào cách mạng có điều kiện phát triển như tham gia phong trào xây dựng vùng giải phóng, tăng gia sản xuất, đóng góp sức người sức của cho cách mạng.

Chuẩn bị cho chiến dịch mùa khô 1974-1975, từ cuối năm 1974, Trung ương Cục quyết định giải thể tỉnh Tân Phú, giao huyện Tân Uyên, Phú Giáo và Dĩ An về tỉnh Thủ Dầu Một. Đồng chí Nguyễn Văn Luông, Bí thư Tỉnh ủy Tân Phú được chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy Thủ Dầu Một thay đồng chí Nguyễn Văn Trung chuyển về Khu ủy miền Đông.

Ngày 6-1-1975 tỉnh Phước Long được giải phóng, chiến thắng Phước Long giúp Đảng ta đề ra chiến lược mới, mọi hoạt động của ta đều hướng vào thực hiện chủ trương tổng công kích, tổng khởi nghĩa để giải phóng miền Nam thân yêu. Bộ chính trị họp nhận định thời cơ chiến lược đã tới. Đề ra quyết tâm giải phóng miền Nam trong năm 1975. Đầu tháng 4, Tỉnh ủy triệu tập hội nghị triển khai nghị quyết của Bộ Chính trị và chuẩn bị kế hoạch tác chiến

¹⁴ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Dương(2003), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Dương (1930-1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, tr.571..

với phương châm: “Tỉnh giải phóng tỉnh, huyện giải phóng huyện, xã giải phóng xã”... chủ động chuẩn bị lực lượng, đón lấy thời cơ giải phóng địa phương mình.

Ngày 14-4-1975, Bộ Chính trị và quân ủy Trung ương thông qua kế hoạch giải phóng Sài Gòn – Gia Định, và lấy tên là chiến dịch Hồ Chí Minh. Thực hiện quyết tâm của Trung ương, từ ngày 14 đến 16-4-1975, Tỉnh ủy mở Hội nghị cán bộ chủ chốt của tỉnh đề phổ biến nhiệm vụ của quân và dân trong toàn tỉnh trong chiến dịch tiến công, nổi dậy giải phóng tỉnh và phối hợp với các quân đoàn chủ lực trong chiến dịch giải phóng Sài Gòn. Trực tiếp giao nhiệm vụ cho các Huyện ủy và Thị ủy. Tỉnh ủy cũng quyết định chuyển Ban Chỉ đạo, chỉ huy chống lấn chiếm thành Ban Chỉ đạo, chỉ huy giải phóng thị xã. Đồng thời quán triệt cho toàn Đảng, toàn quân trong tỉnh “đây là thời cơ ngàn năm có một để phát động cuộc tổng tiến công và nổi dậy giải phóng tỉnh nhà, cùng toàn miền Nam giành lấy chính quyền về tay nhân dân”

Về quân sự, tỉnh thành lập Ban chỉ huy tiền phương để trực tiếp chỉ huy chiến đấu do đồng chí Nguyễn Văn Hữu (Một Hữu) làm chỉ huy trưởng, đồng chí Bùi Xuân Thuận (Năm Thuận) làm Chính ủy, đồng chí Trần Văn Châu (Năm Châu) làm chỉ huy phó.

Đêm ngày 26 rạng sáng 27/4/1975, quân giải phóng tấn công đồn Bình Cơ, Bình Mỹ và tiêu diệt tiểu đoàn 306 ác ôn nguy đã gây nhiều nợ máu với nhân dân. Chiến thắng Bình Mỹ đã chọc thủng tuyến phòng thủ phía Bắc thị xã Thủ Dầu Một của địch, mở đường cho các đoàn quân chủ lực hành quân bằng xe cơ giới, xe tăng, kéo pháo từ chiến khu Đ đi qua vùng chiến khu, một hướng tiến quân của đại quân cách mạng để tiến về giải phóng Sài Gòn. Liên tục hàng đêm, cán bộ và du kích xã tiến hành đột nhập vào các ấp ở Chánh Lưu, Bông Trang để tuyên truyền thắng lợi của cách mạng.

Ngày 29-4-1975, Tỉnh ủy tập trung hơn 400 cán bộ tại căn cứ chiến khu Vĩnh Lợi (Rừng Tre xã Vĩnh Tân)... triển khai kế hoạch khởi nghĩa. Mục tiêu tiến công vào thị xã được xác định : tiểu khu Phú Lợi, chi khu quân sự Châu Thành, Tòa hành chính tỉnh, Ty cảnh sát, Trường sỹ quan Công binh, nhà máy đường Bà Lụa, Kho bạc... lực lượng tham gia kháng chiến các mục tiêu trong thị xã dưới sự chỉ huy của Ban chỉ đạo, chỉ huy giải phóng thị xã. Tại huyện Châu Thành (nay là thành phố Thủ Dầu Một), các đơn vị lực lượng vũ trang tỉnh, huyện, du kích các xã đồng loạt tiến công và nổi dậy bao vây bức hàng, bức rút nhiều đồn bót địch. Tại các xã Đông Nam Châu Thành được sự chi viện của lực lượng tỉnh, huyện sử dụng Đại đội 62 cùng du kích xã phát động quần chúng nổi dậy tiêu diệt làm tan rã hoàn toàn lực lượng bảo an, dân vệ và bộ máy kìm kẹp .

Mờ sáng ngày 30-4-1975, pháo binh của ta đồng loạt bắn tập nập vào tiểu khu Phú Lợi, Chi khu Châu Thành mở màn cho trận đánh quyết định cuối cùng giải phóng hoàn toàn tỉnh nhà. Đúng kế hoạch đã định, bên trong quần chúng nổi dậy rầm rộ với nòng cốt là Đảng viên mật và du kích mật với cờ và khẩu hiệu ở khắp nơi. Đúng 10 giờ 30 phút ngày 30-4-1975 huyện Châu Thành, thị xã Thủ Dầu Một hoàn toàn giải phóng, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình trên quê hương.

Tóm lại:

Những nhân vật lịch sử của tỉnh Thủ Dầu Một-Bình Dương trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ cứu nước từ năm 1954 đến 1975, nổi bật lên những tấm gương yêu nước, của các nhân vật lịch sử đã dũng cảm đấu tranh kiên cường với kẻ thù dù chịu đựng nhiều gian khổ, hy sinh trong công tác, bị bắt, bị tù vẫn vững tin vào thắng lợi cuối cùng của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc như những nhân vật trong lãnh đạo trong cấp ủy của tỉnh có đồng chí Nguyễn Văn Trung, Trương Văn Rê, Võ Văn Đợi, Nguyễn Như Phong, Tiêu Như Thủy, Đỗ Văn Nuông, Lê Đình Nhơn, Nguyễn Văn Luông, Lê Văn Hai, Trần Ngọc Khanh... cùng nhiều nhân vật khác đều là những lãnh đạo tỉnh ủy. Các nhân vật lịch sử trong lực lượng vũ trang trong cuộc kháng chiến có 31 Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Trong đó có “anh hùng còn cống trên lưng” Hồ Văn Mên; có các nữ anh hùng Lê Thị Trung, Huỳnh Thị Châu, Nguyễn Thị Tươi, Huỳnh Thị Hiếu, Đoàn Thị Liên, Võ Thị Huỳnh. Có những anh hùng hoạt động ở địa phương cấp xã như Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Văn Khê; ở huyện như Trần Văn Luân, Lê Chí Dân, Nguyễn Văn Hồn hay ở tỉnh như Nguyễn Văn Hóa. Có người tham gia chiến đấu ở địa phương như Lê Văn Mằm, Đoàn Văn Thái; hay ở các đơn vị đặc công như Nguyễn Văn Lên, Từ Văn Phước, Nguyễn Văn Hồn, Ngô Minh Trị; ở đơn vị tình báo như Tôn Minh Lai hay anh hùng Trừ Văn Thố là bộ đội chủ lực miền...là những tấm gương sáng cho thế hệ trẻ tỉnh Bình Dương noi theo.